

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-PT
Ngày 14 - 8 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Lại Văn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2019/TLHS-PT ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Trần H, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo bị kháng nghị: Lê Trần H, sinh năm 1994 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trần N và bà Lê Thị H; có vợ Lê Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 3 năm 2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Bị hại không kháng cáo: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng nghị: Anh Đặng Minh C, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 12/01/2019 tại công trường xây dựng ở khu đô thị mới Đ, Lê Trần H nói với anh Trịnh Văn N “Cho tao mượn xe để đi đón bạn và lấy

tiền”, anh N đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Air Blade BKS 90D1-093... của mình cho H mượn; sau khi mượn được xe, H đi thẳng về Thanh Hóa. Khi đi đến cây xăng H thuộc huyện H, tỉnh Thanh Hóa, H dừng lại kiểm tra trong cốp xe thấy 01 áo mưa và số tiền 500.000 đồng, H cầm tiền cất vào trong người rồi đi tiếp đến nhà nghỉ H thuộc xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thuê phòng để nghỉ. Đến ngày 13/01/2019, H nói với anh Đặng Minh C (quản lý nhà nghỉ H) muốn bán chiếc xe mô tô BKS 90D1-093... cho anh C, anh C hỏi xe của ai, có giấy tờ không, H trả lời xe mượn của bạn, không mang theo giấy tờ xe, thấy vậy anh C không mua. Sau đó, H nói với anh C cho H gửi lại chiếc xe mô tô BKS 90D1-093... để vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày mùng 6 tết âm lịch sẽ quay lại lấy xe và trả tiền, anh C đồng ý và yêu cầu H viết giấy vay tiền. Đến ngày 19/3/2019, anh N gặp H ở khu vực gầm cầu P, Thành phố Hà Nội nên yêu cầu H về Công an huyện D trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu của Lê Trần H 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 gói giấy nhỏ chứa chất màu trắng dạng cục được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG 01, H khai đây là ma túy H mua để sử dụng; 01 điện thoại di động ITEL và 05 sim điện thoại Viettel .

Quá trình điều tra, anh Đặng Minh C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô Air Blade BKS 90D-093..., bên trong cốp xe có 02 gương chiếu hậu và 01 áo mưa choàng màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: Xe mô tô Airblade BKS 90D1-093... có trị giá 27.000.000 đồng, 01 chiếc áo mưa choàng trị giá 10.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Lê Trần H chiếm đoạt được là 27.510.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 247/PC09 ngày 24/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi TG 01, có khối lượng 0,025g là ma túy, loại Heroine. Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định.

Đối với xe mô tô Airblade BKS 90D1-093...; 02 chiếc gương chiếu hậu và chiếc áo mưa trong cốp xe: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Trịnh Văn N nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N theo đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trịnh Văn N (người bị hại) xác nhận đã nhận được tài sản do bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Đặng Minh C vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị các cơ quan pháp luật yêu cầu Hà phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng đã vay.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng của Lê Trần H: Do khối lượng Heroine dưới 0,1 gam, bản thân H chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội “Tàng trữ, sản xuất, vận chuyển, mua bán hay chiếm đoạt trái phép chất ma túy”. Do đó, hành vi này của H không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện D đã xử phạt hành chính đối với H theo quy định.

Về nguồn gốc ma tuý: H khai mua ở Nông Công, Thanh Hoá của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xác minh xử lý.

Ngoài vụ án này, Lê Trần H còn tiếp tục hai lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 03/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã khởi tố bị can đối với Lê Trần H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” xảy ra ngày 27/01/2019 tại phường L, thành phố T theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Ngày 08/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Trần H về tội “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra ngày 17/3/2019 tại xã Q, thị xã B theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Với hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 14/6/2019 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam đã tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Trần H 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 588 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Trần H có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Minh C số tiền 7.000.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, ngày 27/6/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự để giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 14/6/2019 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam theo hướng: Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng các điều luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng cho anh Đặng Minh C.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Trần H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung quyết định kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam kháng nghị trong thời hạn luận định, Quyết định kháng nghị thể hiện đầy đủ nội dung quy định Điều 336 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Trần H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên khoảng 09 giờ ngày 12/01/2019, tại Công trường xây dựng ở khu đô thị mới Đ, Lê Trần H đã lợi dụng lòng tin của anh Trịnh Văn N và nói dối anh N cho mượn xe mô tô nhãn hiệu Airbalade BKS 90D1-093... (trong cốp xe có một chiếc áo mưa trị giá 10.000 đồng và số tiền 500.000 đồng) để đi đón bạn và lấy tiền. Anh N đồng ý, đưa chìa khóa xe cho H mượn; sau đó H đi thẳng đến nhà nghỉ H thuộc xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thuê phòng để nghỉ. Đến ngày 13/01/2019, H để lại chiếc xe của anh N cho anh Đặng Minh C làm tin và vay số tiền 7.000.000 đồng, đồng thời lấy 500.000 đồng trong cốp xe của anh Trịnh Văn N. Tổng giá trị tài sản mà Lê Trần H chiếm đoạt của anh N là 27.510.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thì thấy: Mặc dù, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Trần H đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B khởi tố bị can về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản”, những hành vi đó đều thực hiện sau hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trịnh Văn N. Như vậy, tính đến thời điểm bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh N (ngày 12/01/2019), bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là thiếu sót nên cấp phúc thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo lại liên tiếp thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật một cách cố ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không giảm phần hình phạt mà giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp.

Đối với kháng nghị về trách nhiệm dân sự thì thấy: Cấp sơ thẩm áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền đã vay là không đúng vì giữa anh Đặng Minh C với bị cáo có lập Giấy vay tiền và xác định rõ thời gian vay, thời gian trả nên cần áp dụng các điều luật về hợp đồng vay tài sản để buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Đặng Minh C số tiền đã vay mới đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

[4] Về án phí: Bị cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trần H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20 tháng 3 năm 2019; về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 401, 429, 463, 465, 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Trần H có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Minh C số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Trần H và Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam không phải chịu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện D, tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện D, tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy